

Số: 1800 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân quận, huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân quận, huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

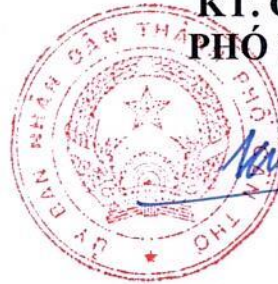
Điều 1. Phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân quận, huyện. (Đính kèm danh mục)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ đã phê duyệt đảm bảo phù hợp với Quyết định này. Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Công dịch vụ công thành phố để áp dụng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- CT, PCT UBND TP;
- VP UBND TP (2B,3BG);
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, MT. *W*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Tấn Hiển



DANH MỤC
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH
VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG;
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1800/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

I. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên Quy trình nội bộ	Mã quy trình	Quyết định công bố
1.	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT01/TNN	Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024
2.	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT02/TNN	
3.	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	QT03/TNN	
4.	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	QT04/TNN	
5.	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	QT05/TNN	
6.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	QT06/TNN	
7.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	QT07/TNN	
8.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	QT08/TNN	
9.	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	QT 09/TNN	
10.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000	QT 10TNN	

	m ³ /ngày đêm		
11.	Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT 11/TNN	
12.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT 12/TNN	
13.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT 13/TNN	
14.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	QT 14/TNN	
15.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	QT 15/TNN	
16.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	QT 16/TNN	
17.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	QT 17/TNN	
18.	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	QT 18/TNN	
19.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	QT 19/TNN	
20.	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT 20/TNN	
21.	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT 21/TNN	
22.	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	QT 22/TNN	
23.	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	QT 23/TNN	

II. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Ủy ban nhân dân quận, huyện

STT	Tên Quy trình nội bộ	Mã quy trình	Quyết định công bố
1.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT01/TNN.H	Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024
2.	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT02/TNN.H	